

Số: 254/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng trên 16 chỗ giao các đơn vị NHNN quản lý

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt nam;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ đề xuất của các đơn vị thuộc, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kế toán tại Tờ trình số .../TTr-TCKT3 ngày 20/02/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng trên 16 chỗ giao các đơn vị Ngân hàng Nhà nước quản lý (Chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1129/QĐ-NHNN ngày 27/5/2016 của Thống đốc NHNN phê duyệt định mức xe ô tô giao các đơn vị quản lý, sử dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc (để b/cáo);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, TCKT3.NTAThư.

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

Phụ lục số 01

**ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG
GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-NHNN ngày 21/02/2024 về định mức xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng trên 16 chỗ giao các đơn vị NHNN quản lý)

I. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG VÀ SỐ LƯỢNG

Đơn vị: Chiếc

STT	Tên đơn vị	Định mức xe giao đơn vị	Ghi chú
1	2	3	4
I	CÁC ĐƠN VỊ TẠI TRỤ SỞ CHÍNH	52	
1	Cục Quản Trị	34	
2	Chi Cục Quản trị	16	NHNN TW giao 14 xe cho đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị Vụ, Cục, Chi cục tại địa bàn phía Nam
3	Cục Công nghệ thông tin	2	
II	CÁC CHI NHÁNH	168	
2	NHNN Chi nhánh An Giang	3	
3	NHNN Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	3	
4	NHNN Chi nhánh Bạc Liêu	2	
5	NHNN Chi nhánh Bắc Cạn	2	
6	NHNN Chi nhánh Bắc Giang	2	
7	NHNN Chi nhánh Bắc Ninh	2	
8	NHNN Chi nhánh Bến Tre	2	
9	NHNN Chi nhánh Bình Dương	3	
10	NHNN Chi nhánh Bình Định	3	
11	NHNN Chi nhánh Bình Phước	2	
12	NHNN Chi nhánh Bình Thuận	2	
13	NHNN Chi nhánh Cà Mau	3	
14	NHNN Chi nhánh Cao Bằng	3	
15	NHNN Chi nhánh Cần Thơ	4	Trong đó: NHNN TW giao 02 xe cho đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của TW
16	NHNN Chi nhánh Đà Nẵng	3	Trong đó: NHNN TW giao 01 xe cho đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của TW
17	NHNN Chi nhánh Đắk Lắk	3	
18	NHNN Chi nhánh Đắk Nông	3	
19	NHNN Chi nhánh Điện Biên	3	

STT	Tên đơn vị	Định mức xe giao đơn vị	Ghi chú
1	2	3	4
20	NHNN Chi nhánh Đồng Nai	3	
21	NHNN Chi nhánh Đồng Tháp	2	
22	NHNN Chi nhánh Gia Lai	3	
23	NHNN Chi nhánh Hà Giang	3	
24	NHNN Chi nhánh Hà Nam	2	
25	NHNN Chi nhánh Hà Nội	4	
26	NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh	3	
27	NHNN Chi nhánh Hải Dương	3	
28	NHNN Chi nhánh Hải Phòng	3	
29	NHNN Chi nhánh Hậu Giang	2	
30	NHNN Chi nhánh Hòa Bình	3	
31	NHNN Chi nhánh Thừa Thiên Huế	2	
32	NHNN Chi nhánh Hưng Yên	2	
33	NHNN Chi nhánh Kiên Giang	3	
34	NHNN Chi nhánh Kon Tum	3	
35	NHNN Chi nhánh Khánh Hòa	3	
36	NHNN Chi nhánh Lai Châu	3	
37	NHNN Chi nhánh Lạng Sơn	3	
38	NHNN Chi nhánh Lào Cai	2	
39	NHNN Chi nhánh Lâm Đồng	3	
40	NHNN Chi nhánh Long An	3	
41	NHNN Chi nhánh Nam Định	2	
42	NHNN Chi nhánh Ninh Bình	2	
43	NHNN Chi nhánh Ninh Thuận	2	
44	NHNN Chi nhánh Nghệ An	3	
45	NHNN Chi nhánh Phú Thọ	2	
46	NHNN Chi nhánh Phú Yên	3	
47	NHNN Chi nhánh Quảng Bình	3	
48	NHNN Chi nhánh Quảng Nam	3	
49	NHNN Chi nhánh Quảng Ninh	3	
50	NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi	3	
51	NHNN Chi nhánh Quảng Trị	2	
52	NHNN Chi nhánh Sóc Trăng	2	
53	NHNN Chi nhánh Sơn La	3	
54	NHNN Chi nhánh Tây Ninh	2	

STT	Tên đơn vị	Định mức xe giao đơn vị	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
55	NHNN Chi nhánh Tiền Giang	3	
56	NHNN Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	4	
57	NHNN Chi nhánh Tuyên Quang	2	
58	NHNN Chi nhánh Thái Bình	3	
59	NHNN Chi nhánh Thái Nguyên	3	
60	NHNN Chi nhánh Thanh Hóa	3	
61	NHNN Chi nhánh Trà Vinh	2	
62	NHNN Chi nhánh Vĩnh Long	2	
63	NHNN Chi nhánh Vĩnh Phúc	3	
64	NHNN Chi nhánh Yên Bái	2	
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	15	
1	Tạp chí Ngân hàng	1	
2	Đại học Ngân hàng	3	
3	Học viện Ngân hàng	6	
4	Trung tâm Thông tin tín dụng	4	
5	Thời báo Ngân hàng	1	
	Tổng cộng (=I+II+III)	235	

II. CHỦNG LOẠI XE VÀ MỨC GIÁ TỐI ĐA

2.1. Chủng loại xe: Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ.

2.2. Mức giá tối đa:

- Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung: 950 triệu đồng/xe.
- Đối với xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi: 1.300 triệu đồng/xe.
- Đối với xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu: 1.600 triệu đồng/xe.
- Cục Quản trị được trang bị 01 xe với mức giá tối đa 4.500 triệu đồng/xe và 01 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe. 



Phụ lục số 02

**ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG TRÊN 16 CHỖ
GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số **254**/QĐ-NHNN ngày **24/02/2024** về định mức
xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng trên 16 chỗ
giao các đơn vị NHNN quản lý)

I. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG VÀ SỐ LƯỢNG

Đơn vị: Chiếc

STT	Tên đơn vị	Số lượng xe	Chủng loại xe
1	2	3	4
1	Cục Quản Trị	4	04 xe 29 chỗ
2	Đại học Ngân hàng	3	01 xe 50 chỗ và 02 xe 29 chỗ
3	Học viện ngân hàng	4	04 xe 29 chỗ
	TỔNG CỘNG	11	

II. MỨC GIÁ TỐI ĐA

- Đối với xe 29 chỗ: 2.400 triệu đồng/xe.
- Đối với xe 50 chỗ: 2.850 triệu đồng/xe.

Handwritten signature